NANYOO

CATALOGUE

NANYOO VIỆT NAM

QUẠT CẮT GIÓ | QUẠT THÔNG GIÓ

CB CE CCC

NANYOO



CERTIFICATE FOR CHINA COMPULSORY PRODUCT CERTIFICATION

CERTIFICATE NO.: 2011010702462507

NAME AND ADDRESS OF THE APPLICANT

FOSHAN NANYANG ELECTRICAL&ELECTRIMOTOR CO., LTD

NO1 Qiaodan bei Road,Danzao Town,Nnahai District,Foshan City.

SGS-CSTC Standards Technical Services Co., Ltd.
Guangzhou Branch

198 Kezhu Road, Scientech Park, Guangzhou Economic & Technological Development District, Guangzhou, China 510663
Telephone: +86 (0) 20 82155555
Fax: +86 (0) 20 82075059
Email: ee.guangzhou@sgs.com

Page 1 of 1

VERIFICATION OF EMC COMPLIANCE

CERTIFICATE OF ENVIRONMENTAL MANAGEMENT SYSTEM

Certificate No. 15923E20039R1M

This is to certify that the environmental management system of

CERTIFICATE OFOCCUPATIONALHEALTH AND SAFETY MANAGEMENT SYSTEM

Certificate No. 15922S30035R4M

CERTIFICATE OF QUALITY MANAGEMENT SYSTEM

Certificate No. 15923Q20105R6M

This is to certify that the quality management system of

FOSHAN NANHAI NANYANG ELECTRIC APPLIANCE & MOTOR CO., LTD.

Guangdong Nanyoo Environment Technology Co., Ltd.

(Unified Social Credit Code: 91440605776924681A)

Registered Address: (No. 1-4 Workshop and Warehouse Building) No. 1, Qiaodan North Road, Danzao Town, Nanhai District, Foshan City, Guangdong Province, P. R. China

is in conformity with

GB/T19001-2016/ISO9001:2015

The quality management system is applicable to:

Certification Address: (No. 1-4 Workshop and Warehouse Building) No. 1, Qiaodan North Road, Danzao Town, Nanhai District, Foshan City, Guangdong Province, P. R. China (Post Code: 528216)

Certification Scope: Quality management activities related to designing, manufacturing and selling series products of fans (centrifugal fan, axial fan, fire fan, lampblack fan, air cabinet), air curtain fan, cabinet heater, warm air curtain fan, ventilation fan (mixed flow fan, duct fan), fresh air exchanger, full heat fresh air exchanger, filter box, small power motor and motor accessories.

中国认可
国际互认
管理体系
MANAGEMENT SYSTEM
CNAS

Issuer:

Certification Body (Seal)

Issue Date: October 30, 2023 Expiry Date: November 16, 2026 Initial Issue Date: November 18, 2008

The information of the certificate can be verified through the CNCA's website (www.cnca.gov.cn).
The information and validity of the certificate can be verified through the CVC's website (www.cvc.org.cn).
The validity of the certificate depends on the result of the regular supervision by the CVC in the period of validity. This certificate continues to be valid only if the certified organization would accept and pass the regular supervision.

CVC CERTIFICATION & TESTING CO., LTD.

No.3, Tiantaiyi Road, High-tech Industrial Development Zone, Guangzhou, P. R. China



CÔNG TY CỔ PHẦN NANYOO VIỆT NAM

MIỀN BẮC

Điện thoại: *097.323.6666*

Email: *nanyoohanoi@gmail.com*

Km 12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Tp Hà Nội.

MIỀN NAM

Điện thoại: *085.22.77777*

Email: *nanyoohcm@gmail.com*

Tòa nhà 24 Đường C22, Phường 12, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

Website: *nanyoo.vn*

NANYOO VIỆT NAM hiện đang là đại diện thương mại - nhà phân phối độc quyền của Nanyoo Motor - tập đoàn Foshan Nanhai Nanyang Electric Appliance & Motor nên chúng tôi đảm bảo cung cấp các sản phẩm chất lượng, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, với mức giá hợp lý.

NANYOO VIỆT NAM hỗ trợ dịch vụ tư vấn kỹ thuật miễn phí đến từ đội ngũ chuyên gia nhiều năm kinh nghiệm trong và ngoài nước giúp Quý khách hàng luôn an tâm và hài lòng trong suốt quá trình sử dụng sản phẩm.





Foshan nanhai nanyang Electric appliance & motor Co.,Ltd

CERTIFICATE OF EXCLUSIVE AGENCY

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẠI LÝ ĐỘC QUYỀN

This is to certify that

Xác nhận

Vietnam Nanyoo joint Stock Company

Công ty cổ phần Nanyoo Việt Nam

Is an Exclusive Agency of Foshan Nanhai nanyang Electric appliance & motor Co.,Ltd in Vietnam

Là đại lý độc quyền của Foshan nanhai nanyang Electric appliance & motor Co.,Ltd tai Vietnam

For/Cho nhãn hiệu sản phẩm chính hãng

NANYOO

Mr Sky Lu

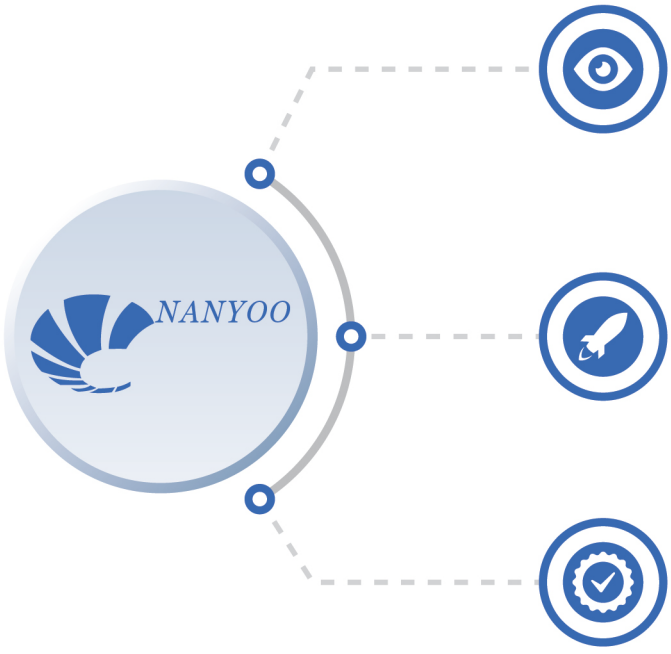
Giám đốc/Diretor

HỢP TÁC

Hợp tác với Đại học Công nghệ Vũ Hán và tập đoàn Foshan Nanhai Nanyang Electric Appliance & Motor đảm bảo hàng hóa, thiết bị đạt đúng tiêu chuẩn chất lượng Quốc tế, hoặc tiêu chuẩn của Việt Nam.

PHÁT TRIỂN

Trải qua nhiều năm hình thành và phát triển, NANYOO VIỆT NAM hiện tại đã xây dựng được hệ thống showroom và đại lý vững mạnh. Nằm trong top những Nhà cung cấp hàng đầu đóng góp cho sự phát triển lớn mạnh, bền vững của nền công nghiệp Việt Nam.



TẦM NHÌN

NANYOO VIỆT NAM định hướng phát triển thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp các sản phẩm phục vụ cho ngành công nghiệp phụ trợ nói chung và quạt cắt gió, quạt thông gió nói riêng, là người bạn đồng hành mang lại sự tin cậy, hài lòng cho Khách hàng.

SỨ MỆNH

"Phụng sự vì sự phát triển lớn mạnh, bền vững của nền công nghiệp Việt Nam"

- Mang đến cho khách hàng các sản phẩm, công nghệ tiên tiến, bắt kịp sự tiến bộ của thế giới
- Mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng bằng chất lượng sản phẩm và dịch vụ, từ sự tận tâm, chuyên nghiệp và trách nhiệm cao đối với khách hàng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Tôn trọng: Tôn trọng đồng nghiệp, đối tác, khách hàng.
- Đổi mới: Không ngừng học hỏi, sáng tạo với tinh thần tích cực.
- Đồng hành: Tư vấn các giải pháp công nghệ, song hành cùng lợi ích của khách hàng để xây dựng những giá trị bền vững.

QUẠT CẮT GIÓ - AIR CURTAIN

Quạt cắt gió NANYOO X - Trang 5
(Chiều cao lắp đặt ≤ 3m)

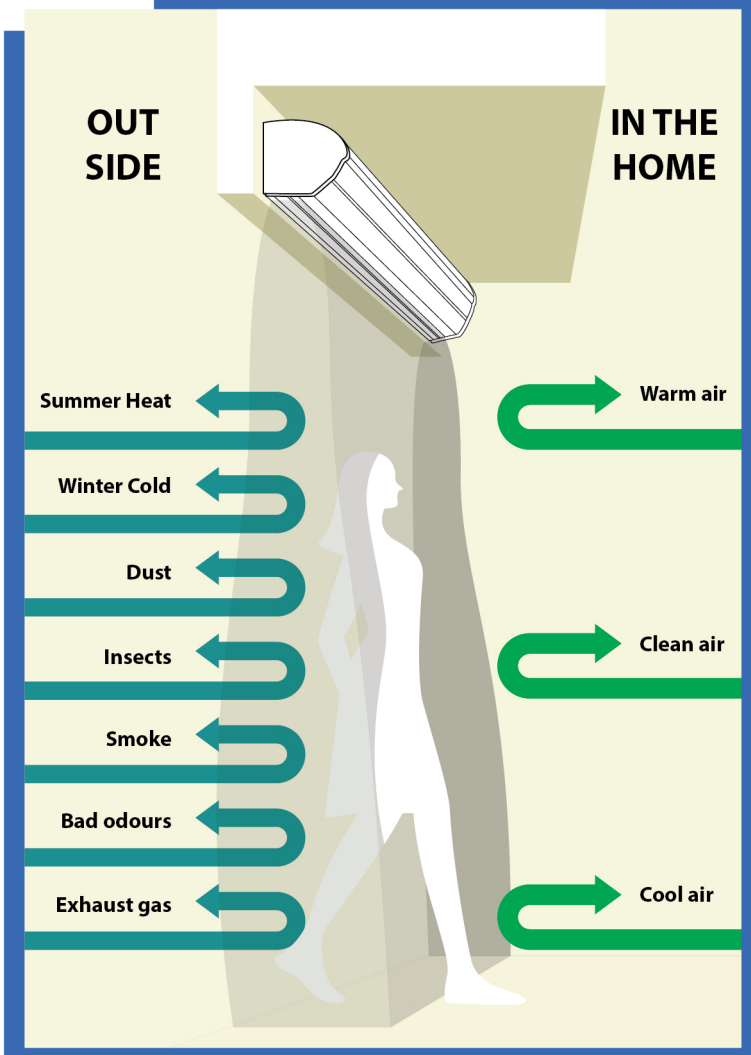


Quạt cắt gió NANYOO Z - Trang 6
(Chiều cao lắp đặt ≤ 5.5m)



Quạt cắt gió NANYOO GY - Trang 7
(Chiều cao lắp đặt ≤ 8m)











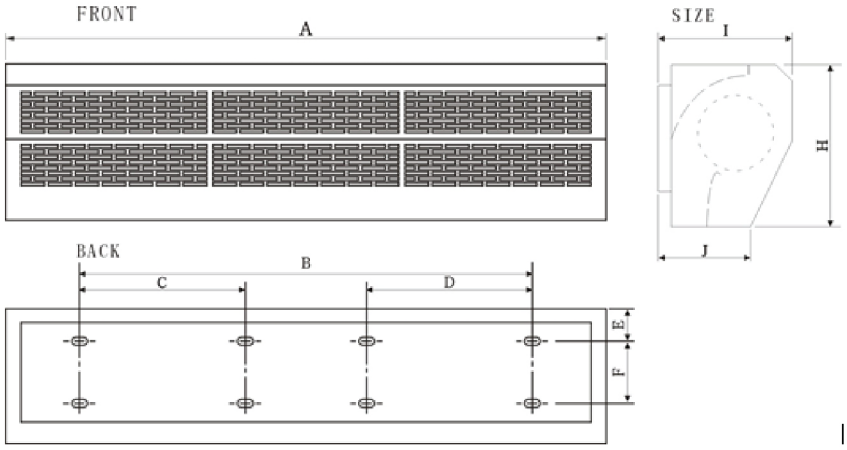




QUẠT CẮT GIÓ NANYOO X

Được đề xuất sử dụng cho cửa cao dưới 3m

- **Hoạt động ổn định:** *Chuyển động quạt gió cân bằng tĩnh và ống thông gió khoa học. Tối ưu hóa động cơ điều hòa không khí, hoạt động bền bỉ có thể vận hành liên tiếp lên đến 5000h ổn định.*
- **Không rỉ sét và dễ dàng vệ sinh:** *Thiết kế thân quạt bằng kim loại siêu mỏng, không dễ mất form dáng và dễ dàng bảo trì.*
- **Vận hành dễ dàng:** *Sản phẩm đi kèm cùng điều khiển từ xa và công tắc, có khả năng điều chỉnh vận tốc gió ở mức cao và thấp.*



Kích thước kỹ thuật

MODEL	A	B	C	D	E	F	H	I	J
FM-1209X-2/Y	900	440	-	-	50	90	215	180	105
FM-1210X-2/Y	1000		-	-	50	90	215	180	105
FM-1212X-2/Y	1200		-	-	50	90	215	180	105
FM-1215X-2/Y	1500	840	-	-	50	90	215	180	105
FM-1218X-2/Y	1800		-	-	50	90	215	180	105
FM-1220X-2/Y	2000		-	-	50	90	215	180	105

Thông số kỹ thuật

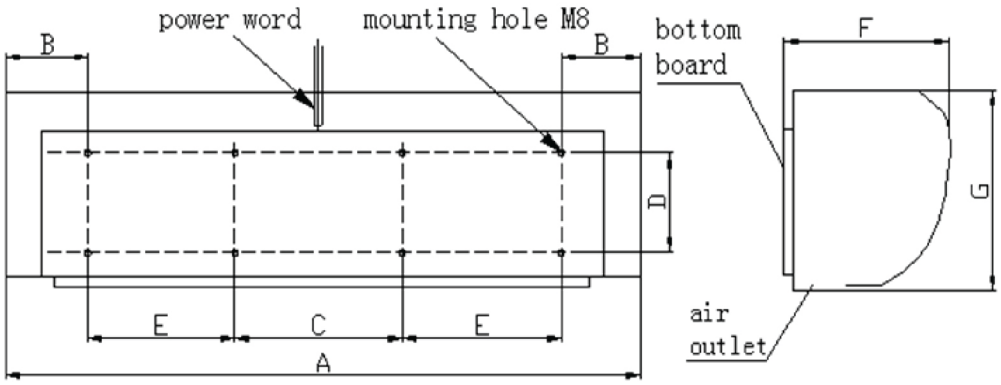
Model	Điện áp	Công suất (W)	Lưu lượng gió (m3/h)	Vận tốc gió (m/s)	Độ ồn (dB)	Số Động cơ	Khối lượng (Gross -kg)	Kích thước quạt (mm)	Kích thước carton (mm)
FM-1209X-2/Y	220V/50Hz	160	1400	11.5	< 57	1	11.5	900*180*215	940*235*265
FM-1210X-2/Y	220V/50Hz	180	1600	11.5	< 58	1	12	1000*180*215	1040*235*265
FM-1212X-2/Y	220V/50Hz	200	1900	11.5	< 58	1	13.5	1200*180*215	1220*235*265
FM-1215X-2/Y	220V/50Hz	230	2500	11.5	< 59	1	15	1460*180*215	1500*235*265
FM-1218X-2/Y	220V/50Hz	300	3200	11.5	< 60	1	20	1800*180*215	1840*235*265
FM-1220X-2/Y	220V/50Hz	350	3600	11.5	< 61	1	22	2000*180*215	2050*235*265



QUẠT CẮT GIÓ NANYOO Z

Được đề xuất sử dụng cho cửa cao dưới 5.5m

- **Thiết kế thời trang:** *Vỏ quạt với thiết kế không ốc vít, bằng sáng chế thiết kế cho diện mạo hình vòng cung và mặt bên mỏng nhẹ.*
- **Vật liệu sang trọng:** *Toàn bộ vỏ quạt được làm bằng hợp kim nhôm kết hợp cùng vật liệu ABS độ chính xác cao, không rỉ sét và dễ dàng tháo rời. Tua bin li tâm có độ ồn thấp, tốc độ động cơ cao có thể vận hành liên tiếp lên đến 5000h ổn định.*
- **Vận hành thông minh:** *Với thiết kế lấy không khí từ phía trên, áp suất không khí và hướng không khí có thể điều chỉnh. Sản phẩm được đi kèm cùng điều khiển và công tắc, vận tốc gió có thể tùy chỉnh cao thấp.*



Kích thước kỹ thuật

MODEL	A	B	C	D	E	F	G
FM-5509Z-L/Y	900	105	230	120	230	215	230
FM-5510Z-L/Y	1000	165	230	120	230	215	230
FM-5512Z-L/Y	1200	105	330	120	330	215	230
FM-5515Z-L/Y	1500	90	330	120	330	215	230
FM-5518Z-L/Y	1800	75	330	120	330	215	230

Thông số kỹ thuật

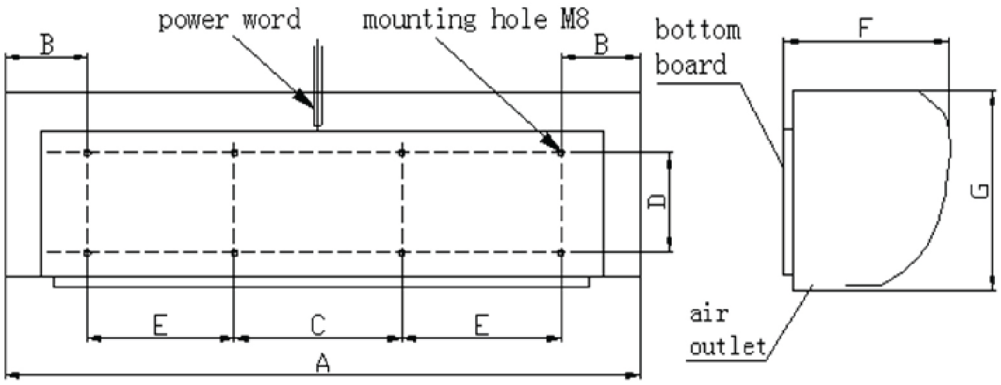
Model	Điện áp	Công suất (W)	Lưu lượng gió (m3/h)	Vận tốc gió (m/s)	Độ ồn (dB)	Số Động cơ	Khối lượng (Gross -kg)	Kích thước quạt (mm)	Kích thước carton (mm)
FM-5509Z-L/Y	220V/50Hz	420	1450	20	<48	2	17.5	900*230*215	960*290*280
FM-5510Z-L/Y	220V/50Hz	420	1450	20	<48	2	18	1000*230*215	1060*290*280
FM-5512Z-L/Y	220V/50Hz	560	1930	20	<49	2	18.8	1200*230*215	1260*290*280
FM-5515Z-L/Y	220V/50Hz	700	2420	20	<52	3	25	1500*230*215	1560*290*280
FM-5518Z-L/Y	220V/50Hz	800	2900	20	<54	3	27.5	1800*230*215	1860*290*280



QUẠT CẮT GIÓ NANYOO GY

Được đề xuất sử dụng cho cửa cao dưới 8m

- Sản phẩm hoạt động tạo thành bức rèm không khí tại khu vực cụ thể, chặn đứng các dòng không khí trong nhà và bên ngoài trộn lẫn. Qua đó giảm được sự thay đổi nhiệt độ, chống ẩm, chống ô nhiễm và côn trùng.
- Sản phẩm cắt gió mạnh, phù hợp cho các kho lạnh, khu công nghiệp,… những nơi cần tách biệt nhiệt độ trong và ngoài tối đa nhất.

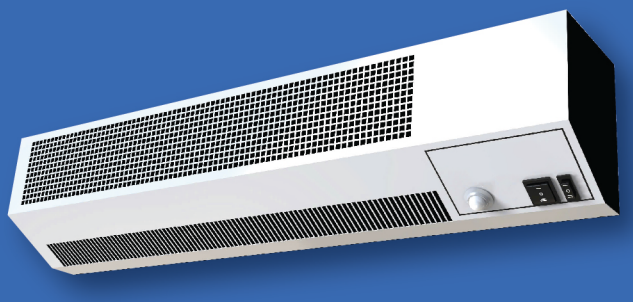


Kích thước kỹ thuật

MODEL	A	B	C	D	E	F	G
FM-6009GY	914	57	...	130	400	345	351
FM-6012GY	1218	54	...	130	555	345	351
FM-6015GY	1523	53.5	...	130	708	345	351

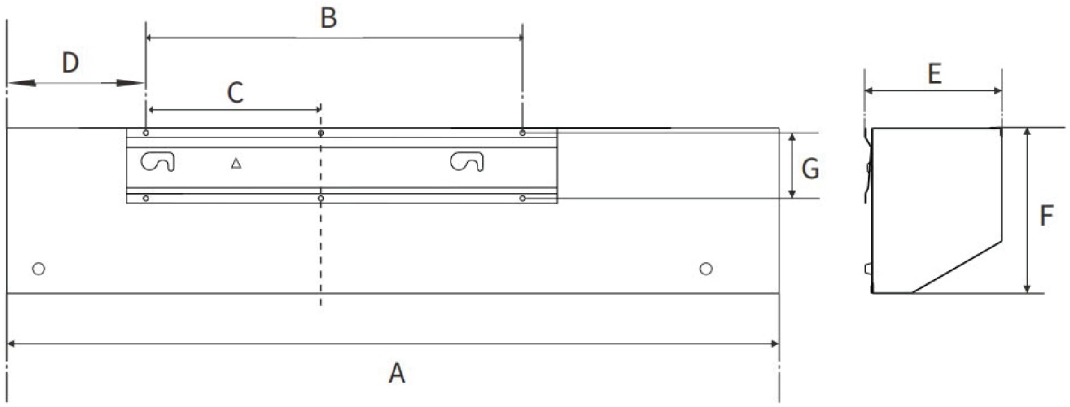
Thông số kỹ thuật

Model	Điện áp	Công suất (W)	Lưu lượng gió (m3/h)	Vận tốc gió (m/s)	Độ ồn (dB)	Số Động cơ	Khối lượng (Gross -kg)	Kích thước quạt (mm)	Kích thước carton (mm)
FM-6009GY	380V/50Hz	1100	3750	24.0	<65	1	44	914*345*351	988*410*417
FM-6012GY	380V/50Hz	1600	5000	24.0	<66	1	50.5	1218*345*351	1292*410*417
FM-6015GY	380V/50Hz	2200	6250	24.0	<68	2	62	1523*345*351	1597*410*417



QUẠT MÁT THANG MÁY

- Lưu lượng không khí cao và độ ồn thấp.
- Sử dụng vòng bi chất lượng cao, hoạt động ổn định và tiết kiệm năng lượng.
- Cảm biến cơ thể người, công tắc thông minh.
- Thân bằng thép thích hợp với môi trường thang máy, chắc chắn và bền bỉ.
- Thiết kế cửa gió hai mặt, có thể lắp đặt ở điểm cao nhất của thang máy.
- Thiết kế lưới bảo vệ cửa gió, cấu trúc an toàn.



Kích thước kỹ thuật

MODEL	A	B	C	D	E	F	G
NY-800	820	580	254	20	142	172	67.8

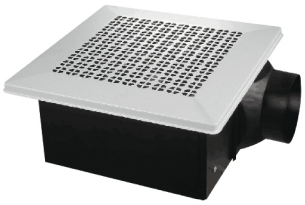
Thông số kỹ thuật

Model	Điện áp	Công suất (W)	Lưu lượng gió (m3/h)	Vận tốc gió (m/s)	Độ ồn (dB)	Chất liệu	Kích thước quạt (mm)	Kích thước đóng gói (mm)	Cân nặng (Gross-kg)
NY-800 Cảm biến	220V/50Hz	60	650	7.5	49	Thép Sơn tĩnh điện	800*142*172	925*230*205	6.7

QUẠT THÔNG GIÓ - VENTILATING FAN



QUẠT THÔNG GIÓ GẮN TRẦN NANYOO - Trang 11



QUẠT THÔNG GIÓ GẮN TRẦN NANYOO BPT - Trang 12



QUẠT THÔNG GIÓ GẮN TRẦN - Trang 13



QUẠT THÔNG GIÓ HỖN HỢP - Trang 14



QUẠT CẤP KHÍ TƯƠI VÀ LỌC KHÔNG KHÍ - Trang 15



THIẾT BỊ THÔNG GIÓ THU HỒI NHIỆT - LỌC KHÔNG KHÍ - Trang 16



QUẠT THÔNG GIÓ TRÒN NỐI ỐNG ĐỒNG TRỤC - Trang 17



QUẠT THÔNG GIÓ NỐI ỐNG VUÔNG GÓC - Trang 19



QUẠT THÔNG GIÓ CABINET TIÊU ÂM NANYOO DPT - Trang 20



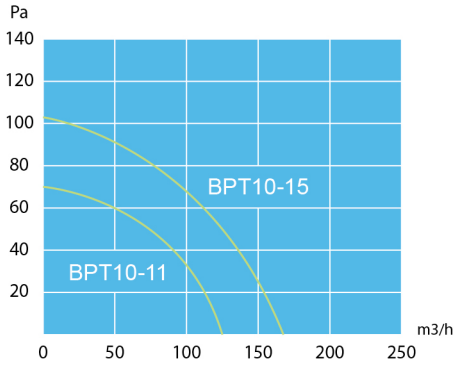
QUẠT THÔNG GIÓ CABINET TIÊU ÂM NANYOO KTJ- Trang 22



QUẠT THÔNG GIÓ GẮN TRẦN NANYOO

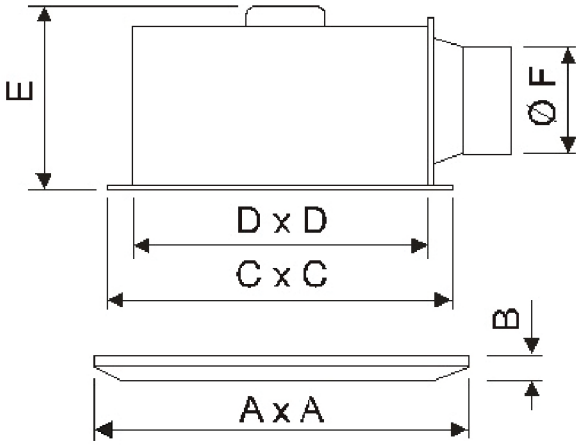
- Vỏ hộp quạt làm bằng kim loại, mặt cover bằng nhựa PP, thiết kế vừa mang tính thẩm mỹ cao vừa giúp tăng lưu lượng cũng như hiệu suất quạt.
- Động cơ ổ bi, thiết kế mỏng, ổ cắm có thể tháo rời.
- Thiết kế kiểu âm trần nối ống gió, hoạt động bền bỉ với độ ồn thấp.
- Vệ sinh mặt quạt rất dễ dàng chỉ cần 1 thao tác, không cần phải tháo quạt hay vặn vít.

Đường đặc tính



Thông số kỹ thuật

Model	Đường kính ống	Điện áp	Công Suất	Vận tốc	Lưu lượng	Áp suất	Độ ồn	Kích thước lắp đặt	Kích thước mặt	Kích thước đóng gói	Cân nặng
	(mm)	(V/Hz)	(W)	(rpm)	(m3/h)	(Pa)	(dB)	(mm)	(mm)	(mm)	(Gross-kg)
BPT10-11	Φ 100	220V/50Hz	26	800	126	70	25	200*200	250*250	275*170*340	2.3
BPT10-15	Φ 100	220V/50Hz	28	800	168	105	30	235*235	280*280	350*208*370	3



Kích thước kỹ thuật

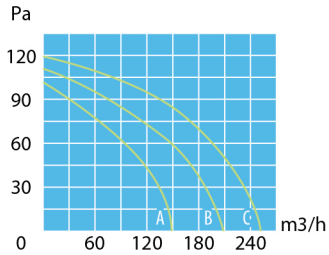
Model	Kích thước (mm)					
	A	B	C	D	E	F
BPT10-11	250	20	240	195	160	φ100
BPT10-15	280	20	270	230	139	φ100



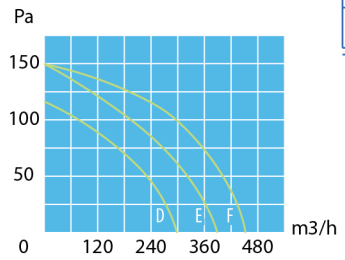
QUẠT THÔNG GIÓ GẮN TRẦN NANYOO S

- Kiểu dáng bắt mắt, thể tích nhỏ, độ ồn thấp, lưu lượng lớn
- Trọng lượng nhẹ, hoạt động ổn định.

Đường đặc tính



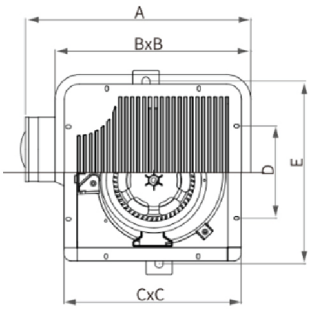
A:BPT10-11-S
B:BPT10-23-S
C:BPT10-33-S

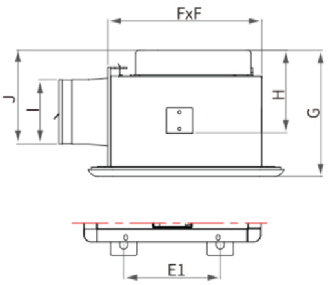


D:BPT15-33-S
E:BPT15-43-S
F:BPT15-44-S

Thông số kỹ thuật

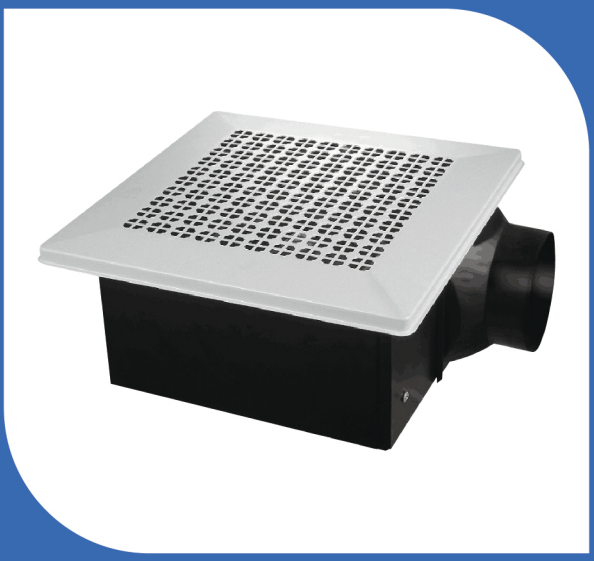
Model	Đường kính ống	Điện áp	Công Suất	Vận tốc	Lưu lượng	Áp suất	Độ ồn	Kích thước lắp đặt	Kích thước mặt	Kích thước đóng gói	Cân nặng	Cân nặng
	(mm)	(V/Hz)	(W)	(rpm)	(m3/h)	(Pa)	(dB)	(mm)	(mm)	(mm)	(Net-kg)	(Gross-kg)
BPT10-11-S	Φ 100	220V/50Hz	14	660	150	100	33	210*210	270*270	341*291*215	2.8	3.2
BPT10-23-S	Φ 100	220V/50Hz	16	747	200	110	35	240*240	300*300	365*315*225	3.2	3.6
BPT10-33-S	Φ 100	220V/50Hz	20	860	250	120	39	240*240	300*300	365*315*225	3.2	3.6
BPT15-33-S	Φ 150	220V/50Hz	38	550	300	120	33	270*270	330*330	390*352*260	4.2	4.6
BPT15-43-S	Φ 150	220V/50Hz	40	680	380	150	37	270*270	330*330	390*352*260	4.2	4.6
BPT15-44-S	Φ 150	220V/50Hz	41	770	450	150	38	320*320	380*380	440*401*260	5.6	6.0





Kích thước kỹ thuật

Model	Kích thước (mm)										
	A	BxB	CxC	D	E	E1	FxF	G	H	ΦI	J
BPT10-11-S	315	270	246	110	249	-	205	190	124	100	140
BPT10-23-S	345	300	271	140	274	-	230	190	124	100	140
BPT10-33-S	345	300	271	140	274	-	230	190	124	100	140
BPT15-33-S	365	330	301	140	304	150	260	235	157	150	190
BPT15-43-S	365	330	301	140	304	150	260	235	157	150	190
BPT15-44-S	415	380	351	190	354	190	310	235	157	150	190



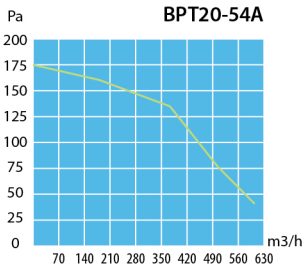
QUẠT THÔNG GIÓ GẮN TRẦN NANYOO BPT

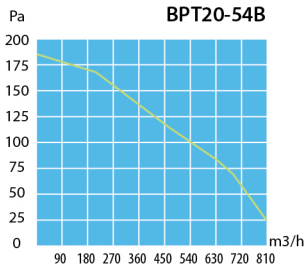
- *Vỏ kim loại đầy đủ, chống cháy hiệu suất cao.*
- *Vỏ được thiết kế đẹp mắt, an toàn trong quá trình sử dụng.*
- *Thiết kế âm trần nối ống gió, hoạt động bền bỉ với độ ồn thấp.*

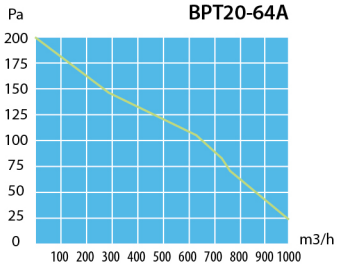


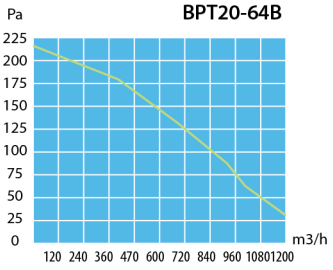


Đường đặc tính



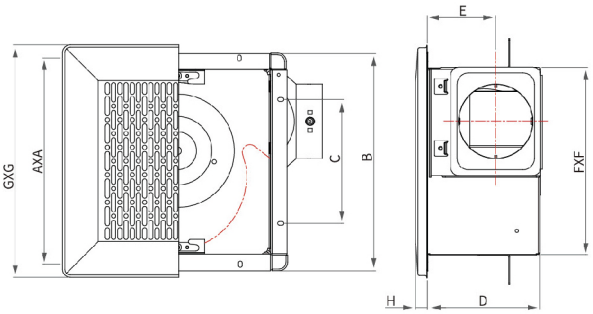






Thông số kỹ thuật

Model	Đường kính ống	Điện áp	Công Suất	Vận tốc	Lưu lượng	Áp suất	Độ ồn	Kích thước lắp đặt	Kích thước mặt	Kích thước đóng gói	Cân nặng	Cân nặng
	(mm)	(V/Hz)	(W)	(rpm)	(m3/h)	(Pa)	(dB)	(mm)	(mm)	(mm)	(Net-kg)	(Gross-kg)
BPT20-54A	Φ200	220V/50Hz	190	884	600	145	47	380*380	430*430	490*450*319	9.1	10
BPT20-54B	Φ200	220V/50Hz	205	1003	800	163	47	380*380	430*430	490*450*319	9.1	10
BPT20-64A	Φ200	220V/50Hz	220	1050	1000	158	50	380*380	430*430	490*450*319	9.1	10
BPT20-64B	Φ200	220V/50Hz	235	1089	1200	172	53	380*380	430*430	490*450*319	9.1	10



Kích thước kỹ thuật

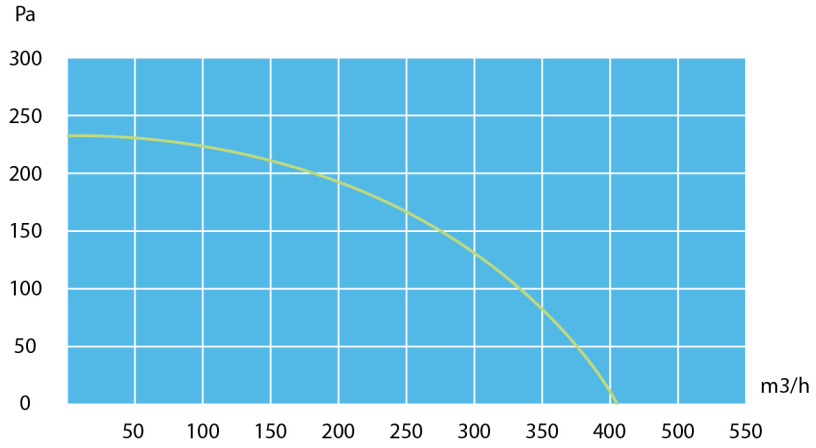
Model	Kích thước (mm)							
	AxA	B	C	D	E	FxF	GxG	H
BPT20-54A	386*386	400	220	250	151	370	430	15
BPT20-54B	386*386	400	220	250	151	370	430	15
BPT20-64A	386*386	400	220	250	151	370	430	15
BPT20-64B	386*386	400	220	250	151	370	430	15



QUẠT THÔNG GIÓ GẮN TRẦN

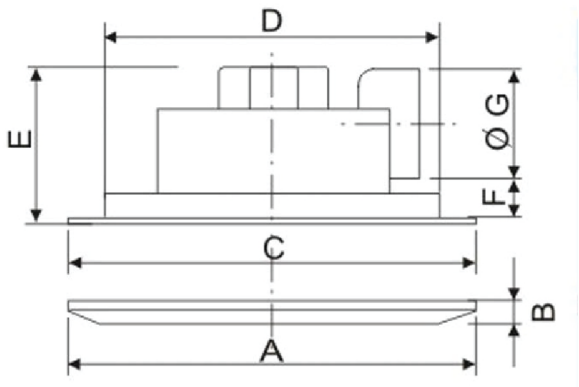
- Quạt được thiết kế đặc biệt về kiểu dáng, thẩm mỹ, hiện đại, an toàn trong quá trình sử dụng.
- Thiết kế kiểu âm trần nối ống gió, hoạt động bền bỉ, độ ồn thấp.
- Giúp tiết kiệm năng lượng điện khi sử dụng.

Đường đặc tính



Thông số kỹ thuật

Model	Đường kính ống	Điện áp	Công Suất	Vận tốc	Lưu lượng	Áp suất	Độ ồn	Kích thước lắp đặt	Kích thước mặt	Kích thước đóng gói	Cân nặng
	(mm)	(V/Hz)	(W)	(rpm)	(m3/h)	(Pa)	(dB)	(mm)	(mm)	(mm)	(Gross-kg)
BPT15-60	Φ150	220V/50Hz	80	750	402	241	47	480*480	600*600	650*250*660	6.0



Kích thước kỹ thuật

Model	Kích thước (mm)						
	A	B	C	D	E	F	G
BPT15-60	600	25	585	474	200	48	150



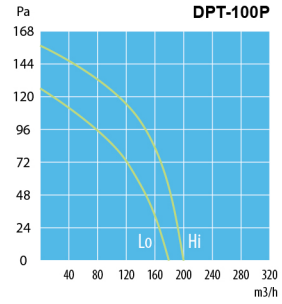
QUẠT THÔNG GIÓ HỖN HỢP

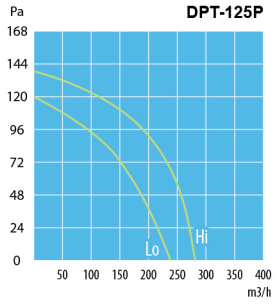
- *Động cơ đồng tiết kiệm năng lượng với vòng bi chất lượng cao.*
- *Độ ồn thấp, lưu lượng không khí ổn định.*
- *Chất liệu ABS chất lượng cao, bền và khó biến dạng.*
- *Thiết kế nhỏ gọn, dễ dàng lắp đặt và bảo trì.*

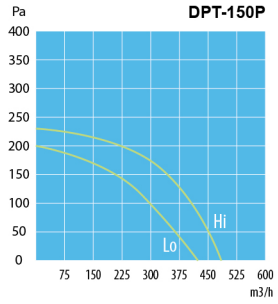


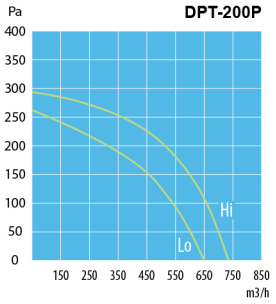


Đường đặc tính



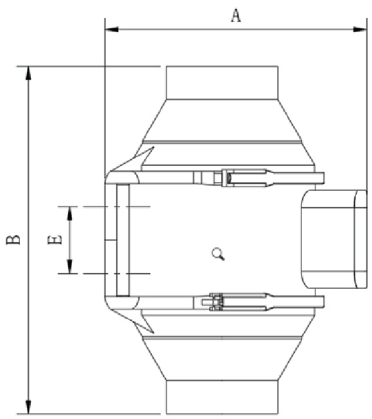


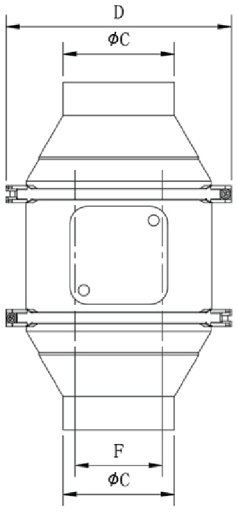




Thông số kỹ thuật

Model	Đường kính ống	Điện áp	Công Suất	Vận tốc	Lưu lượng	Áp suất	Độ ồn	Kích thước đóng gói	Cân nặng	Cân nặng
	(mm)	(V/Hz)	(W)	(rpm)	(m3/h)	(Pa)	(dB)	(mm)	(Net-kg)	(Gross-kg)
DPT-100P	Φ 100	220V/50Hz	32 31	2400 2050	200 170	150 130	32 26	320x205x255	1.5	2
DPT-125P	Φ 125	220V/50Hz	35 33	2300 1880	280 240	140 120	34 27	270x205x255	1.4	1.9
DPT-150P	Φ 150	220V/50Hz	55 44	2380 2160	470 420	230 200	42 37	325x230x275	2	2.4
DPT-200P	Φ 200	220V/50Hz	102 86	2100 1870	730 650	290 260	62 54	320x248x315	2.5	3





Kích thước kỹ thuật

Model	Kích thước (mm)					
	A	B	ΦC	D	E	F
DPT-100P	228	303	100	195	60	77
DPT-125P	217	253	125	195	60	77
DPT-150P	251	308	150	220	60	77
DPT-200P	272	301	200	241	60	110

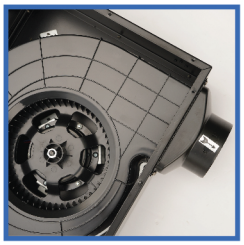


QUẠT THÔNG GIÓ CẤP KHÍ TƯƠI VÀ LỌC KHÔNG KHÍ NMD

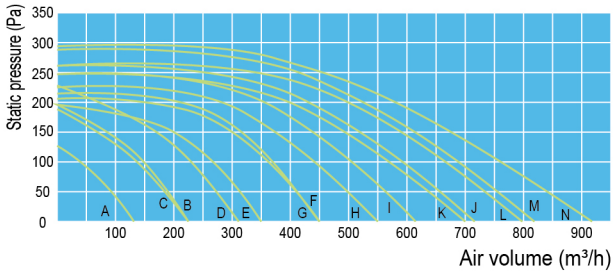
- Quạt sử dụng 2 lớp lọc: Màng lọc Hepa và màng lọc hỗn hợp thứ cấp giúp tăng khả năng lọc không khí lên đến 99%.
- Màng lọc không khí dễ dàng tháo lắp và thay thế. Để quạt được bền bỉ, nên vệ sinh màng lọc thứ cấp 3 tháng/lần (tuỳ vào chất lượng không khí nơi lắp máy); Màng lọc Hepa không rửa, chỉ vệ sinh bằng máy hút bụi hoặc thay màng lọc 6 tháng/lần.







Đường đặc tính

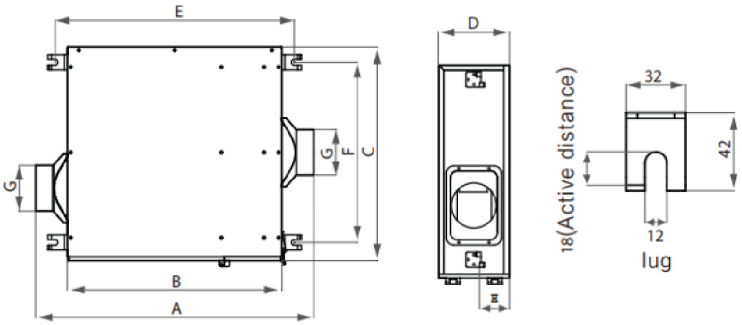


A: NMD-230 L
B: NMD-230 H
C: NMD-310 L
D: NMD-310 H
E: NMD-450 L
F: NMD-450 H
G: NMD-550 L
H: NMD-550 H
I: NMD-720 L
J: NMD-720 H
K: NMD-800 L
L: NMD-800 H
M: NMD-920 L
N: NMD-920 H

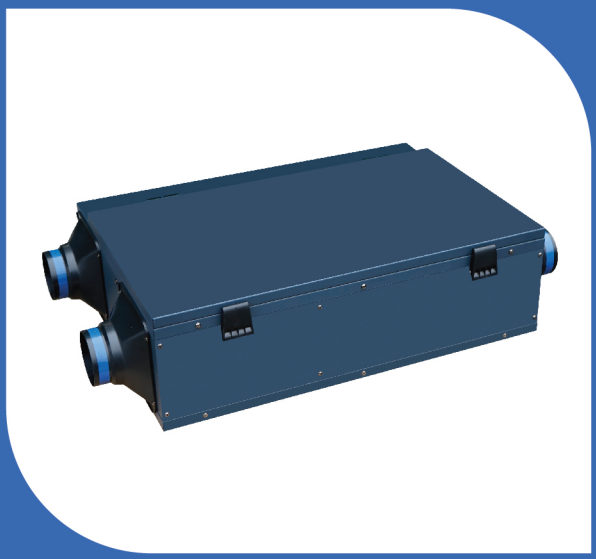
Thông số kỹ thuật

Model	Đường kính ống	Điện áp	Công Suất	Vận tốc	Lưu lượng	Áp suất	Độ ồn	Kích thước đóng gói	Cân nặng
	(mm)	(V/Hz)	(W)	(rpm)	(m3/h)	(Pa)	(dB)	(mm)	(Net-kg)
NMD-230	Φ 100	220V/50Hz	43 36	910 605	230 130	193 132	26 22	630*500*185	11
NMD-310	Φ 100	220V/50Hz	45 38	1224 900	310 230	235 182	28 26	630*500*185	11
NMD-450	Φ 150	220V/50Hz	57 47	900 723	450 350	216 191	33 29	640*500*255	13
NMD-550	Φ 150	220V/50Hz	79 57	1034 910	550 450	227 208	36 33	640*500*255	13
NMD-720	Φ 200	220V/50Hz	115 87	1070 900	720 620	262 246	40 38	625*500*295	14
NMD-800	Φ 200	220V/50Hz	142 102	1215 970	800 700	263 245	43 40	625*500*295	14
NMD-920	Φ 200	220V/50Hz	156 117	1340 1178	920 820	290 285	46 43	625*500*295	14

Kích thước kỹ thuật

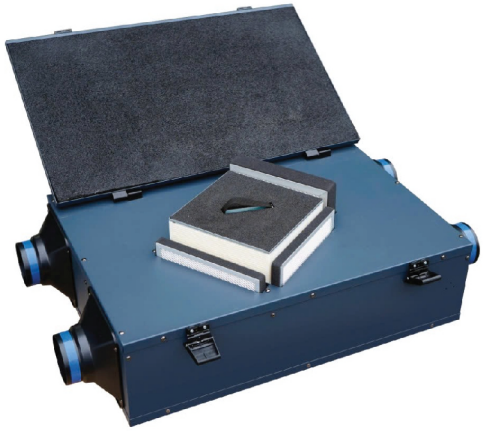


Model	Kích thước (mm)						
	A	B	C	D	E	F	G
NMD-230	586	450	450	150	503	380	96
NMD-310	586	450	450	150	503	380	96
NMD-450	595	450	450	220	503	380	147
NMD-550	595	450	450	220	503	380	147
NMD-720	580	450	450	260	503	392	198
NMD-800	580	450	450	260	503	392	198
NMD-920	580	450	450	260	503	392	198



THIẾT BỊ THÔNG GIÓ THU HỒI NHIỆT - LỌC KHÔNG KHÍ

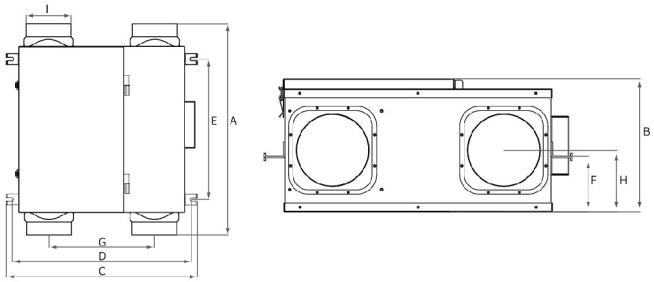
- Màng lọc HEPA và F6 giúp loại bỏ 99,99% các hạt nhỏ và nhanh chóng làm sạch PM2.5, khí độc hại, dị ứng.
- Đặc biệt thiết kế vỏ sò giúp bảo trì dễ dàng.
- Tiết kiệm năng lượng, độ ồn thấp.



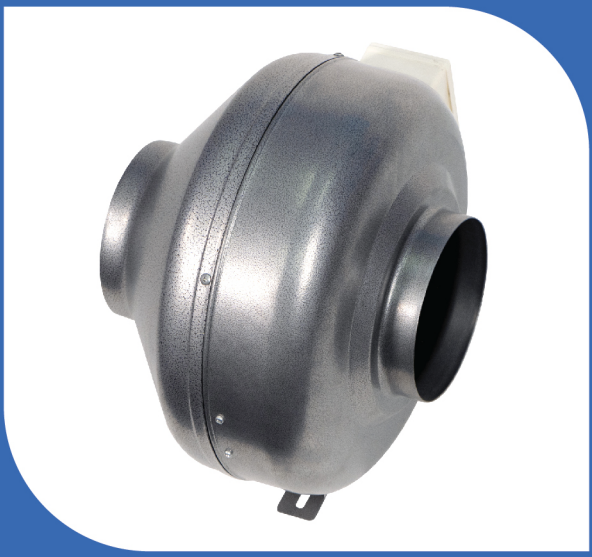
Thông số kỹ thuật

Model	Đường kính ống	Điện áp	Công Suất	Vận tốc	Lưu lượng	Áp suất	Tỷ lệ thu hồi nhiệt	Độ ồn	Cân nặng
	(mm)	(V/Hz)	(W)	(rpm)	(m3/h)	(Pa)	(%)	(dB)	(Net-kg)
NYDZ-QR-150G	Φ 100	220V/50Hz	134 100 89	2235 2095 1988	150 125 110	382 284 239	60 63 65	≤ 40 ≤ 38 ≤ 35	31
NYDZ-QR-250G	Φ 150	220V/50Hz	160 141 120	2355 2210 2097	250 220 180	323 301 250	60 63 65	≤ 42 ≤ 36 ≤ 32	35
NYDZ-QR-350G	Φ 150	220V/50Hz	314 303 285	2263 2105 2036	350 320 290	560 505 461	58 60 63	≤ 45 ≤ 39 ≤ 35	40
NYDZ-QR-500G	Φ 200	220V/50Hz	513 436 371	2155 2035 1946	500 360 315	581 519 427	58 61 63	≤ 50 ≤ 48 ≤ 43	43
NYDZ-QR-600G	Φ 200	220V/50Hz	556 450 389	2275 2163 2088	600 485 360	569 544 470	58 61 63	≤ 53 ≤ 49 ≤ 47	43
NYDZ-QR-800G	Φ 250	220V/50Hz	455 410 378	1000 890 795	800 750 550	350 320 250	60 62 63	≤ 55 ≤ 53 ≤ 51	64
NYDZ-QR-1000G	Φ 250	220V/50Hz	652 600 582	1156 1055 796	1000 850 700	360 330 265	59 60 61	≤ 56 ≤ 54 ≤ 52	64
NYDZ-QR-1200G	Φ 250	220V/50Hz	716 674 642	1241 1112 956	1200 1050 930	380 350 280	57 59 62	≤ 56 ≤ 55 ≤ 53	64

Kích thước kỹ thuật

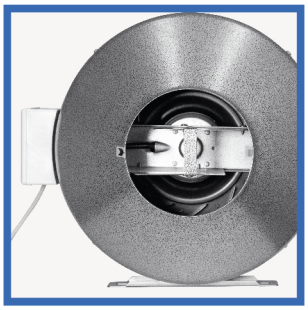
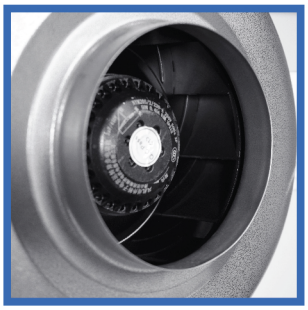
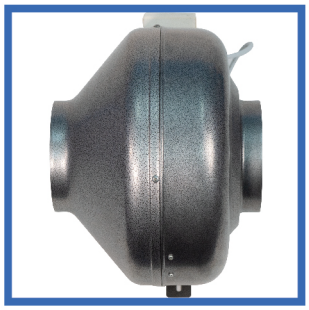


Model	Kích thước (mm)								
	A	B	C	D	E	F	G	H	I
NYDZ-QR-150G	930	220	634	598	666	88	343	100	100
NYDZ-QR-250G	930	245	634	598	666	98	343	110	150
NYDZ-QR-350G	930	245	634	598	666	98	343	110	150
NYDZ-QR-500G	930	270	684	648	666	113	379	125	200
NYDZ-QR-600G	930	270	684	648	666	113	379	125	200
NYDZ-QR-800G	1200	430	820	745	1077	21	386	200	250
NYDZ-QR-1000G	1200	430	820	745	1077	21	386	200	250
NYDZ-QR-1200G	1200	430	820	745	1077	21	386	200	250

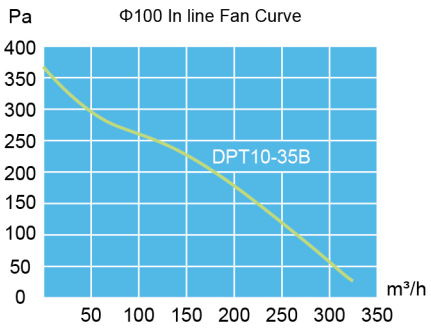


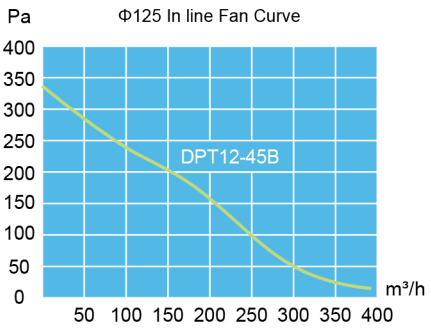
QUẠT THÔNG GIÓ TRÒN NỐI ỐNG ĐỒNG TRỤC

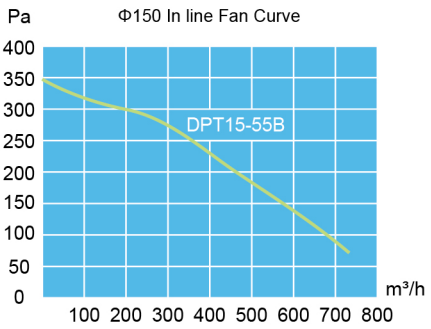
- Quạt dùng để lắp nối ống phục vụ thông gió tòa nhà, văn phòng, trung tâm thương mại, hút khí thải, khí tươi cho điều hòa trung tâm và những nơi cần lực hút khỏe, độ ồn thấp.
- Kích thước nhỏ gọn, thuận tiện khi lắp đặt ở nhiều địa hình.
- Động cơ Rotor ngoài thông minh, hoạt động êm, tiết kiệm điện năng.
- Chất lượng ổn định, độ bền cao.
- Bề mặt được sơn tĩnh điện, chống ăn mòn.

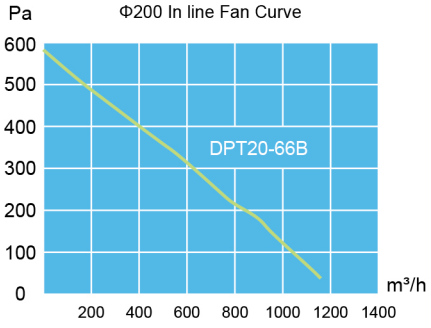





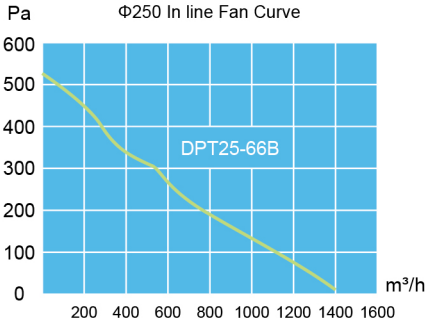
Đường đặc tính

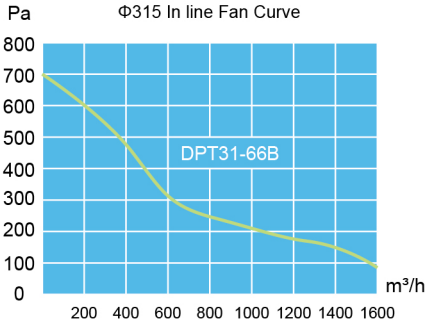






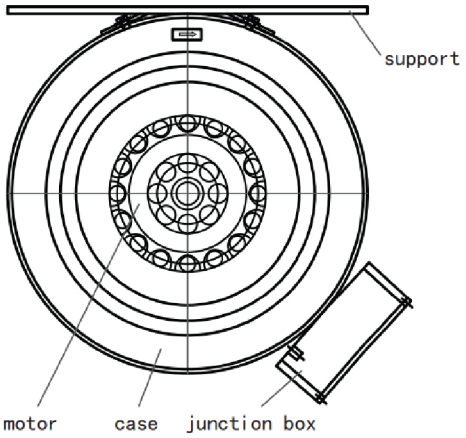


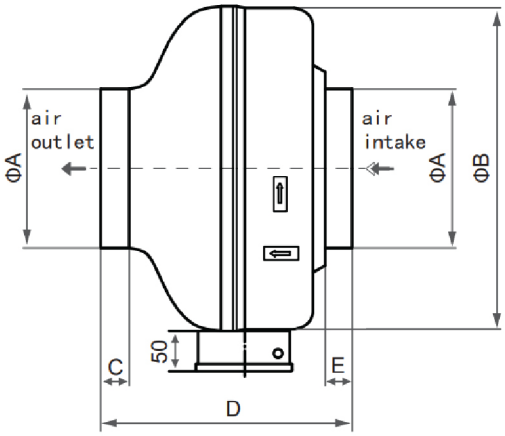




Thông số kỹ thuật

Model	Đường kính ống	Điện áp	Công Suất	Vận tốc	Lưu lượng	Áp suất	Độ ồn	Kích thước đóng gói	Cân nặng	Cân nặng
	(mm)	(V/Hz)	(W)	(rpm)	(m3/h)	(Pa)	(dB)	(mm)	(Net-kg)	(Gross-kg)
DPT10-35B	Φ 100	220V/50Hz	75	2460	330	363	≤ 65	335*295*230	3.1	3.9
DPT12-45B	Φ 125	220V/50Hz	75	2350	390	340	≤ 65	335*295*230	3.1	3.9
DPT15-55B	Φ 150	220V/50Hz	95	2420	740	350	≤ 65	410*370*300	5.6	6.7
DPT20-66B	Φ 200	220V/50Hz	137	2600	1150	570	≤ 69	410*370*300	6.6	7.7
DPT25-66B	Φ 250	220V/50Hz	157	2390	1380	533	≤ 70	410*360*309	6.6	7.9
DPT31-66B	Φ 315	220V/50Hz	189	2378	1600	704	≤ 71	465*430*295	7.6	8.8





Kích thước kỹ thuật

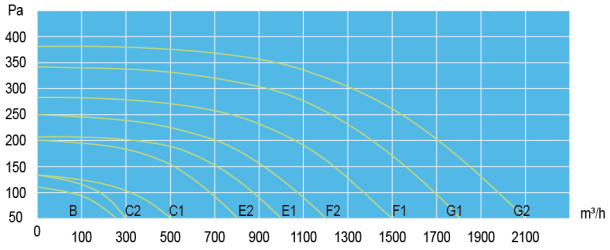
Model	Kích thước (mm)				
	A	B	C	D	E
DPT10-35B	95	268	22	200	22
DPT12-45B	120	268	22	200	22
DPT15-55B	145	342	30	269	25
DPT20-66B	195	342	30	269	40
DPT25-66B	245	342	30	279	40
DPT31-66B	310	400	30	258	50



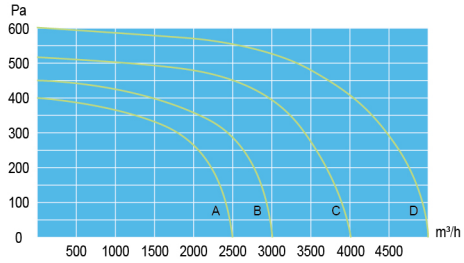
QUẠT THÔNG GIÓ NỐI ỐNG VUÔNG GÓC

- Động cơ Nanyoo hiệu suất cao, hoạt động nhanh và bền bỉ.
- Tối ưu hóa thiết kế ống dẫn khí 90° độ một cách khoa học theo sáng chế Check-Valve, đảm bảo chất lượng.
- Thiết kế bắt mắt với toàn bộ vật liệu là kim loại, xử lý chống rỉ sét và ăn mòn mạnh.
- Dễ dàng lắp đặt, đáp ứng được nhu cầu tại nhiều địa điểm lắp đặt khác nhau.

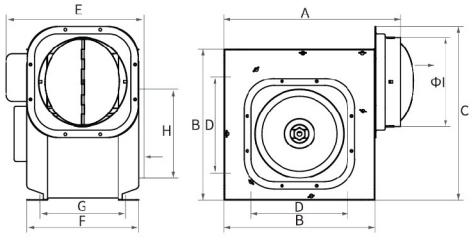
Đường đặc tính



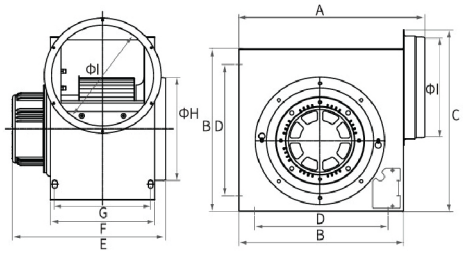
B: DPT10-11C C1: DPT15-34(L speed) C2: DPT15-34(H speed)
E1: DPT20-55B(L speed) E2: DPT20-55B(H speed) F1: DPT20-75(L speed)
F2: DPT20-75(H speed) G1: DPT25-76(L speed) G2: DPT25-76(H speed)



A: DPT25-250A B: DPT30-300A
C: DPT30-400B D: DPT30-500B



DPT10-11C, DPT15-34, DPT20-55B
DPT20-75, DPT25-76



DPT25-250A, DPT30-300A, DPT30-400B, DPT30-500B

Thông số kỹ thuật

Model	Đường kính ống	Điện áp	Công Suất	Vận tốc	Lưu lượng	Áp suất	Độ ồn	Cân nặng
	(mm)	(V/Hz)	(W)	(rpm)	(m3/h)	(Pa)	(dB)	(Net-kg)
DPT10-11C	Φ 100	220V/50Hz	52	1950	250	110	≤ 45	3.0
DPT15-34	Φ 150	220V/50Hz	52 40	1140 910	500 300	135 135	≤ 46 ≤ 42	6.0
DPT20-55B	Φ 200	220V/50Hz	135 127	1200 1100	1000 800	210 200	≤ 54 ≤ 53	9.4
DPT20-75	Φ 200	220V/50Hz	300 285	1280 1100	1500 1200	280 250	≤ 58 ≤ 55	14.0
DPT25-76	Φ 250	220V/50Hz	380 300	1008 878	2100 1800	380 340	≤ 62 ≤ 59	19.0
DPT25-250A	Φ 250	220V/50Hz	950	1400	2500	400	≤ 68	23.0
DPT30-300A	Φ 300	220V/50Hz	1250	1400	3000	450	≤ 70	25.5
DPT30-400B	Φ 300	380V/50Hz	2000	1420	4000	510	≤ 72	43.8
DPT30-500B	Φ 300	380V/50Hz	2350	1420	5000	600	≤ 72	43.8

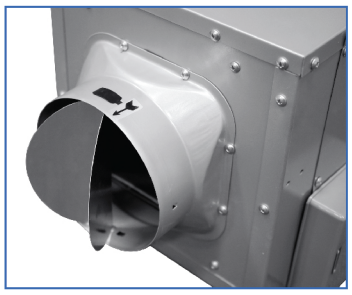
Kích thước kỹ thuật

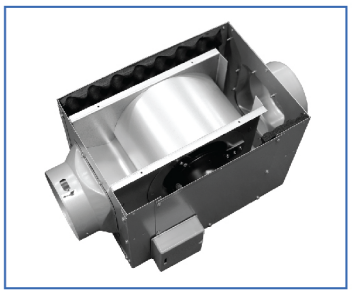
Model	Kích thước (mm)								
	A	B	C	D	E	F	G	H	I
DPT10-11C	221	180	204	121	185	135	103	100	100
DPT15-34	294	251	289	160	234	181	142	150	150
DPT20-55B	357	300	358	200	290	164	188	200	200
DPT20-75	390	335	390	200	335	195	216	200	200
DPT25-76	464	387	440	260	355	190	200	250	250
DPT25-250A	446	396	442	320	369	250	230	248	248
DPT30-300A	456	396	442	320	408	280	260	298	298
DPT30-400B	530	468	550	396	420	270	250	298	298
DPT30-500B	530	468	550	396	420	270	250	298	298

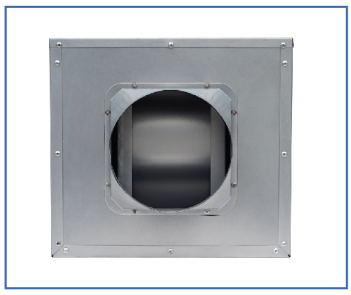


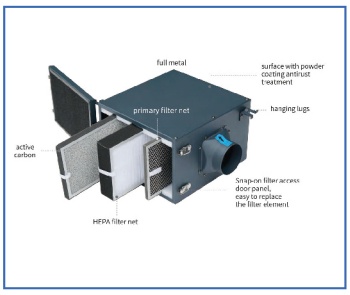
QUẠT THÔNG GIÓ CABINET TIÊU ÂM NANYOO DPT

- Quạt thông gió được làm từ chất liệu hợp kim tốt, sơn tĩnh điện 4 lớp, chống rỉ sét, chống ăn mòn, sáng bóng, trọng lượng nhẹ, bền với thời gian.
- Thiết kế kiểu âm trần giúp bạn tiết kiệm được diện tích lắp đặt.
- Tích hợp hộp tiêu âm giúp làm giảm tiếng ồn của quạt trong quá trình hoạt động.
- Quạt phù hợp cho các căn hộ, hệ thống thông gió biệt thự, tòa nhà, văn phòng phòng hội nghị, trung tâm mua sắm, khách sạn, nhà hàng, ...

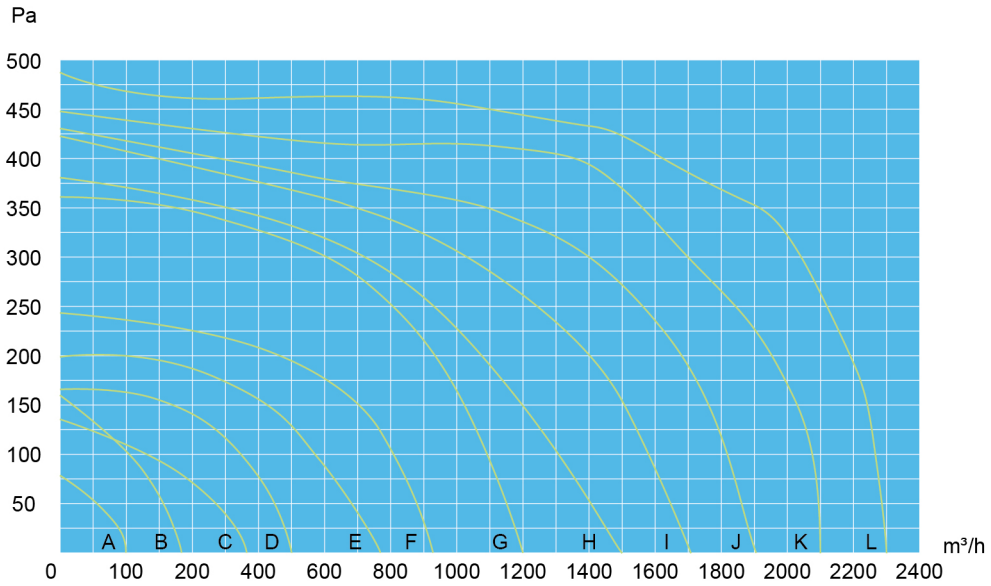








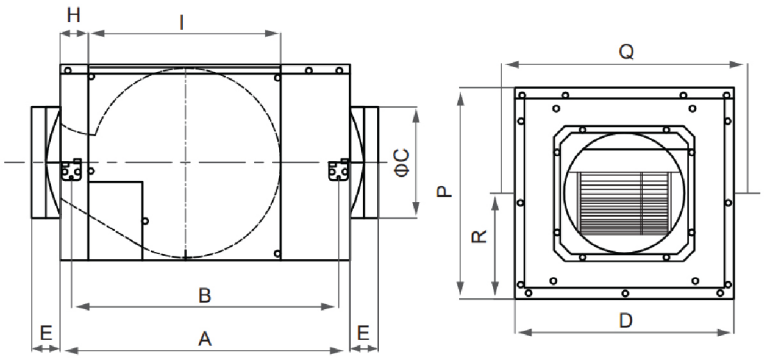
I Đường đặc tính



A: DPT10-12B B: DPT10-24B C: DPT15-32B D: DPT15-42B
E: DPT20-54B F: DPT20-54C G: DPT20-65B H: DPT20-75B
I: DPT25-76B J: DPT25-76C K: DPT25-76D L: DPT25-76E

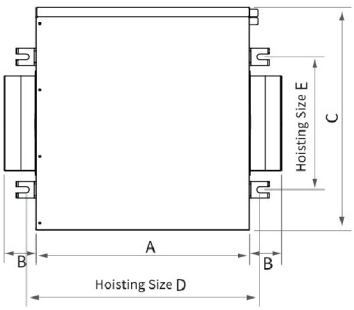
Thông số kỹ thuật

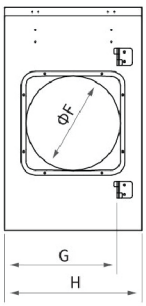
Model	Đường kính ống	Điện áp	Công Suất	Vận tốc	Lưu lượng	Áp suất	Độ ồn	Kích thước đóng gói	Cân nặng	Cân nặng
	(mm)	(V/Hz)	(W)	(rpm)	(m3/h)	(Pa)	(dB)	(mm)	(Net-kg)	(Gross-kg)
DPT10-12B	Φ 100	220V/50Hz	21	1180	100	80	≤ 20	485*325*270	6.2	6.6
DPT10-24B	Φ 100	220V/50Hz	52	1800	180	160	≤ 23	485*325*270	6.2	6.6
DPT15-32B	Φ 150	220V/50Hz	40	1050	360	132	≤ 42	512*322*317	7.7	8.3
DPT15-42B	Φ 150	220V/50Hz	100	1250	500	167	≤ 49	570*360*355	11.2	11.8
DPT20-54B	Φ 200	220V/50Hz	135	800	770	200	≤ 47	585*430*355	12.6	13.2
DPT20-54C	Φ 200	220V/50Hz	155	950	920	240	≤ 48	640*450*385	17	17.7
DPT20-65B	Φ 200	220V/50Hz	220	1100	1200	360	≤ 48	675*480*450	20.3	21.1
DPT20-75B	Φ 200	220V/50Hz	320	1250	1500	380	≤ 49	675*480*450	20.3	21.1
DPT25-76B	Φ 250	220V/50Hz	350	1050	1700	420	≤ 53	765*495*455	23	24.1
DPT25-76C	Φ 250	220V/50Hz	400	1150	1900	430	≤ 54	765*495*455	23	24.1
DPT25-76D	Φ 250	220V/50Hz	500	1300	2100	450	≤ 56	765*495*455	23	24.1
DPT25-76E	Φ 250	220V/50Hz	550	1360	2300	480	≤ 58	765*495*455	23	24.1



Kích thước kỹ thuật

Model	A	B	C	D	E	H	I	R	P	Q
	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)
DPT10-12B	340	298	95	240	65	68	210	100	200	285
DPT10-24B	340	298	95	240	65	68	210	100	200	285
DPT15-32B	340	298	150	240	75	53	230	120	240	285
DPT15-42B	390	348	150	270	75	58	265	140	280	315
DPT20-54B	420	378	200	340	65	64	265	140	280	385
DPT20-54C	490	448	200	370	65	58	304	160	320	415
DPT20-65B	520	478	200	400	65	74	344	183	365	445
DPT20-75B	520	478	200	400	65	74	344	183	365	445
DPT25-76B	590	548	250	400	75	74	364	190	380	445
DPT25-76C	590	548	250	400	75	74	364	190	380	445
DPT25-76D	590	548	250	400	75	74	364	190	380	445
DPT25-76E	590	548	250	400	75	74	364	190	380	445





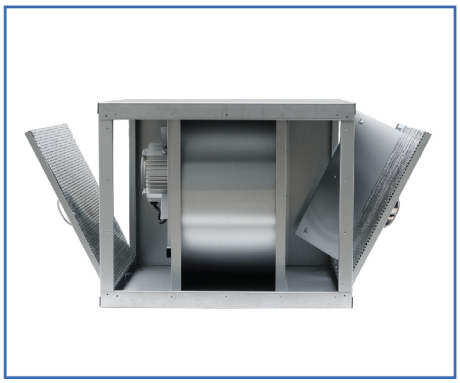
Kích thước kỹ thuật của lọc

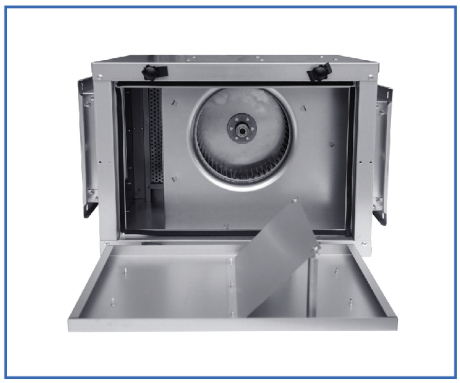
Model	Kích thước (mm)								
	A	B	C	D	E	F	G	H	Φ
NYGL-100-1	320	65	350	362	260	95	163	215	Φ100
NYGL-150-1	380	74	400	422	320	145	200	250	Φ150
NYGL-200-1	450	65	470	492	280	195	238	290	Φ200



QUẠT THÔNG GIÓ CABINET TIÊU ÂM NANYOO KTJ

- Quạt thông gió Cabinet Nanyoo KTJ được sử dụng rộng rãi trong thương mại và công nghiệp tại chỗ.
- Thiết kế đặc biệt với dạng hộp hình chữ nhật, động cơ quạt và cánh nằm gọn bên trong hộp quạt điều này giúp bảo vệ động cơ và cánh tốt hơn đây là 2 bộ phận thường xảy ra hư hỏng nhanh nhất ở các loại quạt thông thường.
- Lớp vỏ ngoài được làm từ chất liệu kim loại được phun sơn tĩnh điện an toàn, có độ bền cao.
- Cánh của quạt thông gió làm dạng lồng sóc, khi quạt quay độ ồn được giảm đáng kể thích hợp lắp đặt tại các không gian cần sự yên tĩnh cao.





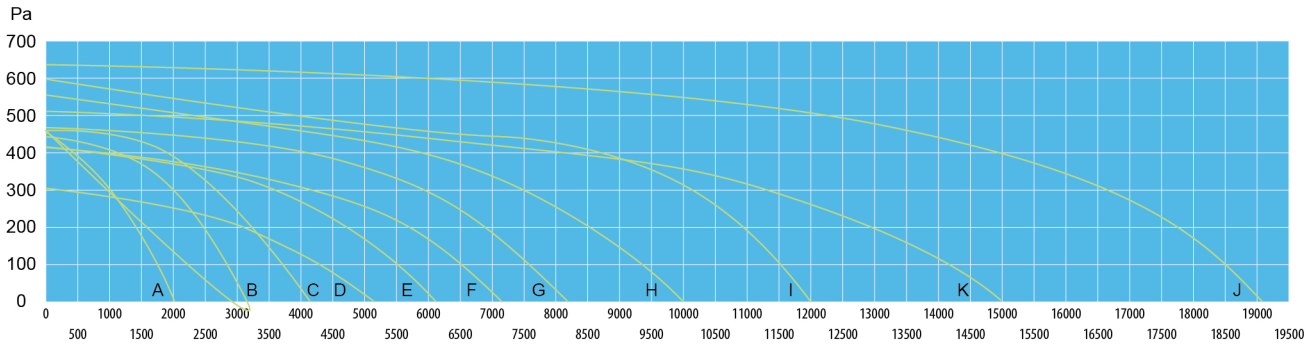








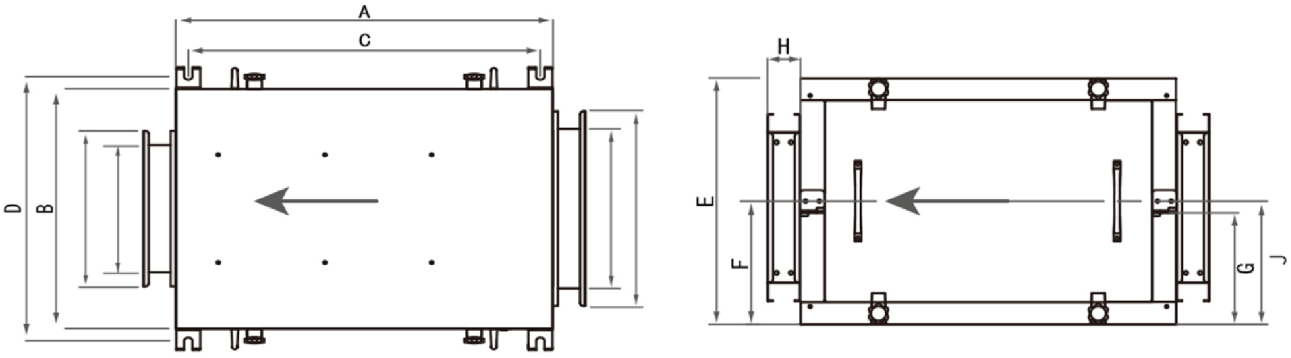
Đường đặc tính



A: KTJ 25-20/KTJ 25-20D
B: KTJ 23-32/KTJ 23-32D
C: KTJ 25-42/KTJ 25-42D
D: KTJ 28-52
E: KTJ 31-62
F: KTJ 31-72
G: KTJ 31-82
H: KTJ 35-100
I: KTJ 35-120
K: KTJ 40-150
J: KTJ 45-200

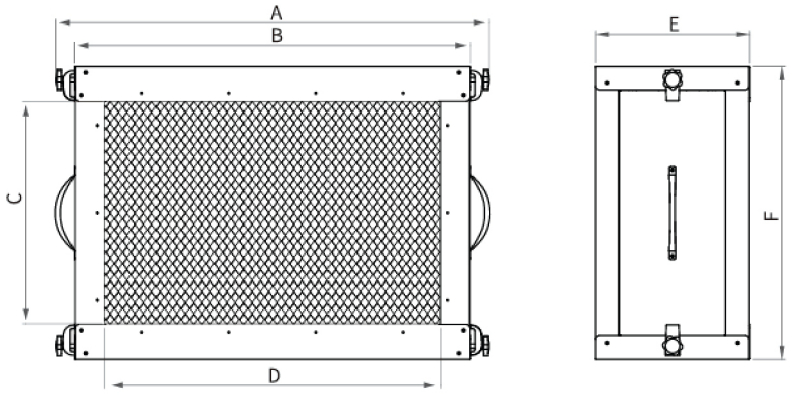
Thông số kỹ thuật

Model	Kích thước		Điện áp	Công Suất	Vận tốc	Lưu lượng	Áp suất	Độ ồn	Kích thước đóng gói	Cân nặng	Cân nặng
	Cửa cấp	Cửa hút									
	(mm)	(mm)	(V/Hz)	(W)	(rpm)	(m3/h)	(Pa)	(dB)	(mm)	(Net-kg)	(Gross-kg)
KTJ25-20	240*230	240*230	380V/50Hz	400	1400	2,000	450	56	680*555*400	27	30.5
KTJ25-20D	240*230	240*230	220V/50Hz	500	1400	2,000	450	56	680*555*400	27	30.5
KTJ23-32	289*278	490*326	380V/50Hz	580	1400	3,200	440	62	680*680*460	36	40
KTJ23-32D	289*278	490*326	220V/50Hz	660	1400	3,200	440	62	680*680*460	36	40
KTJ25-42	338*278	490*326	380V/50Hz	840	1400	4,200	460	65	680*680*460	36	40
KTJ25-42D	338*278	490*326	220V/50Hz	780	1400	4,200	460	65	680*680*460	36	40
KTJ28-52	350*275	600*415	380V/50Hz	750	980	5,200	306	61	780*770*555	43	48
KTJ31-62	350*275	642*415	380V/50Hz	1100	980	6,200	418	64	780*810*555	43	48
KTJ31-72	350*406	636*420	380V/50Hz	1500	980	7,200	421	65	860*840*745	58	61
KTJ31-82	350*406	660*502	380V/50Hz	1700	980	8,200	466	66	860*840*745	58	61
KTJ35-100	390*400	700*500	380V/50Hz	2200	980	10,000	553	68	925*895*830	80	85
KTJ35-120	390*400	800*500	380V/50Hz	2500	980	12,000	596	70	930*1000*805	83	89
KTJ40-150	480*420	685*638	380V/50Hz	2700	980	15,000	505	76	970*890*915	95	106
KTJ45-200	500*500	835*720	380V/50Hz	5500	980	19,200	645	78	1120*1000*990	120	132



Kích thước kỹ thuật

Model	A	B	C	D	E	F	G	H	J
KTJ 25-20	548	460	511	506	380	180	172	48	190
KTJ 25-20D	548	460	511	506	380	180	172	48	190
KTJ23-32	520	590	483	632	436	180	218	48	218
KTJ23-32D	520	590	483	632	436	180	218	48	218
KTJ25-42	520	590	483	632	436	180	218	48	218
KTJ25-42D	520	590	483	632	436	180	218	48	218
KTJ28-52	640	700	570	748	534	137	50	48	267
KTJ31-62	640	740	570	748	534	137	50	48	267
KTJ31-72	700	740	630	786	600	253	20	48	300
KTJ31-82	700	740	630	786	600	253	20	48	300
KTJ35-100	810	785	740	833	667	250	50	48	333
KTJ35-120	810	885	740	933	667	250	50	48	333
KTJ40-150	800	850	670	910	782	310	-	48	391
KTJ45-200	900	1000	770	1060	862	350	-	48	431



Kích thước kỹ thuật của lọc

Model	A	B	C	D	E	F	N.W	G.W
	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(kg)	(kg)
KTJ25-20G	415	360	230	240	230	340	5.7	6.9
KTJ23-32G	645	590	330	500	230	437	8.64	10.6
KTJ25-42G	645	590	330	500	230	437	8.64	10.6
KTJ28-52G	795	740	417	640	230	534	11.2	13.7
KTJ31-62G	795	740	417	640	230	534	11.2	13.7
KTJ31-72G	795	740	502	660	300	600	13.6	15.8
KTJ31-82G	795	740	502	660	300	600	13.6	15.8
KTJ35-100G	840	785	503	705	300	667	15.5	17.5
KTJ35-120G	940	885	503	805	300	667	16	18

Cách chọn sản phẩm phù hợp lưu lượng với không gian

Lưu lượng cần thiết phụ thuộc vào nhu cầu sử dụng,
mức độ ô nhiễm trong phòng và lượng nhiệt cần giải phóng

$$\text{Số lượng sản phẩm cần thiết} = \frac{\text{Lưu lượng gió cần thiết}}{\text{Lưu lượng gió của sản phẩm yêu cầu}}$$

Có 2 cách để tính lưu lượng gió yêu cầu

Cách 1: Theo số lần trao đổi khí một giờ
V=RV*N
RV: Thể tích phòng (m^3)
N: Số lần trao đổi khí một giờ

Cách 2: Theo lượng khí cung cấp cho mỗi giờ
V=PV*N
PV: Lưu lượng khí cần thiết cho 1 người
N: Số người

Tỷ lệ trao đổi không khí

Địa điểm	Tỷ lệ trao đổi không khí	Địa điểm	m^3/người
Thư viện	10~20	Căng tin	30
Phòng sơn	10~20	Rạp chiếu phim	30
Lớp học	3~8	Lớp học	30
Phòng gym	4~6	Phòng công cộng	30
Phòng nghe	6~8	Phòng nghe	30
Rạp chiếu phim	5~8	Phòng họp	30
Phòng thí nghiệm	8~15	Sảnh triển lãm	20
Gian hàng	1~13	Phòng gym	30
Gara	4~8	Phòng khách sạn	30
Tầng hầm	4~6	Bảo tàng	20
Nhà tắm	7~9	Phòng tắm	30
Phòng khách	3~6	Cụm VP mở	50
Nhà kho	1~2	VP nhỏ	30
Nhà bếp	10~15	Phòng đọc	20
Văn phòng	5~7	Phòng giải lao	30
Cửa hàng bán lẻ	4~8	Cửa hàng	20
Nhà hàng	8~10	Nhà hàng	20
Siêu thị	2~3	Hội trường	20
Phòng hút thuốc	8~10	Phòng hút thuốc	50
Phòng giặt là	10~13	Phòng giặt là	30
Ngân hàng	2~4	Ngân hàng	40
Bar	9~11	Bar	50

CÔNG TY CỔ PHẦN NANYOO VIỆT NAM
MST: 0106105330

CN Miền Bắc
Km 12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Tp Hà Nội.
SĐT: 097.323.6666 | Email: nanyoohanoi@gmail.com

CN Miền Nam
Tòa nhà 24 Đường C22, Phường 12, Quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh.
SĐT: 085.22.77777 | Email: nanyoohcm@gmail.com